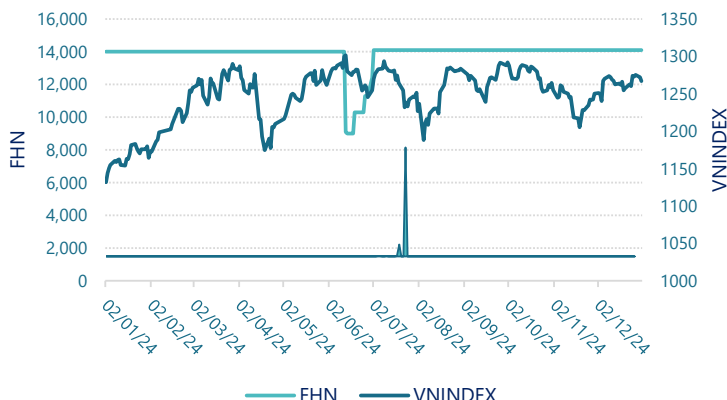




CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực - Thực phẩm Hà Nội (UPCOM: FHN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	14,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,000
SL cổ phiếu LH	3,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
P/E	
EPS	

DT thuần

Q4/24

tỷ VNĐ

LN sau thuế

Q4/24

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2024

0.4%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2024

1,111

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 111| 11.1%

LN sau thuế

2024

2.22

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.19| 9.2%

ROE

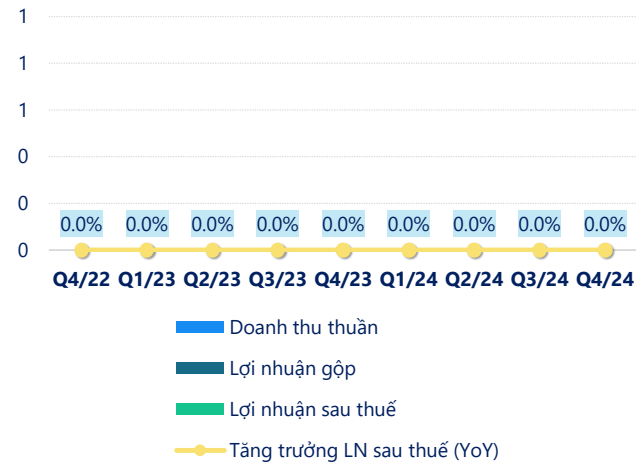
2024

2.1%

+/- YoY: ▼ 0.5%

tỷ VNĐ

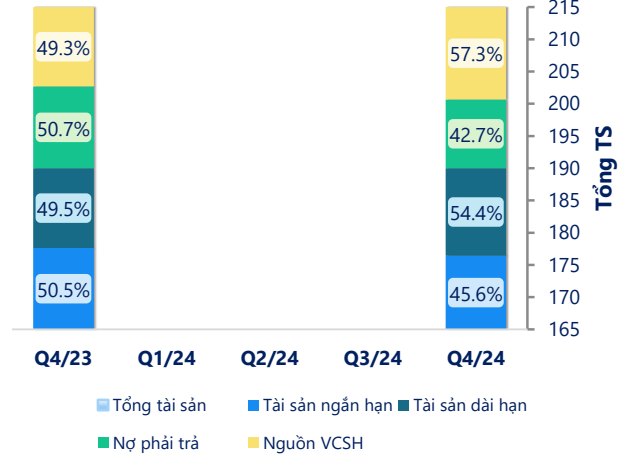
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

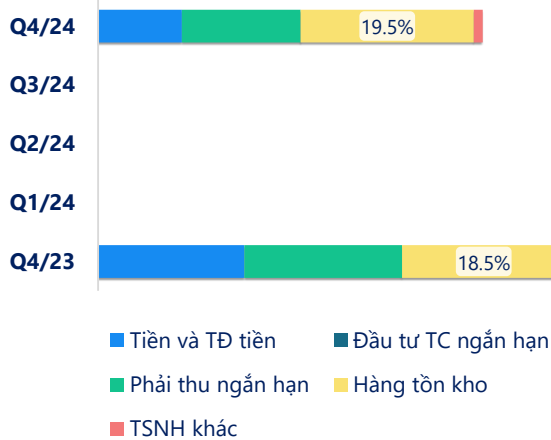
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



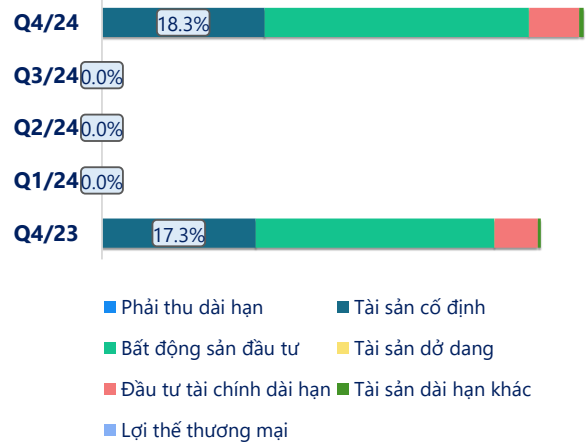
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

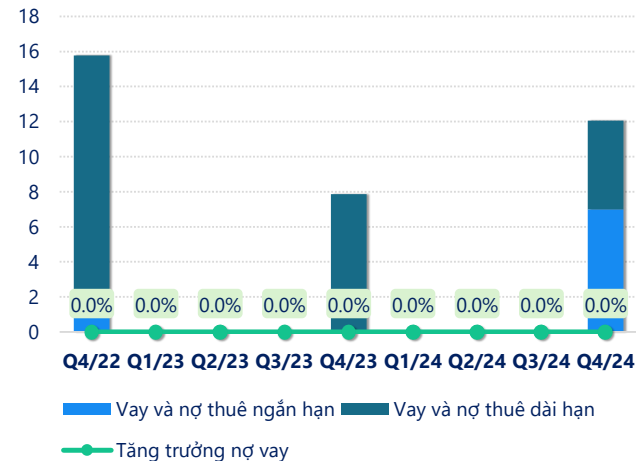
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

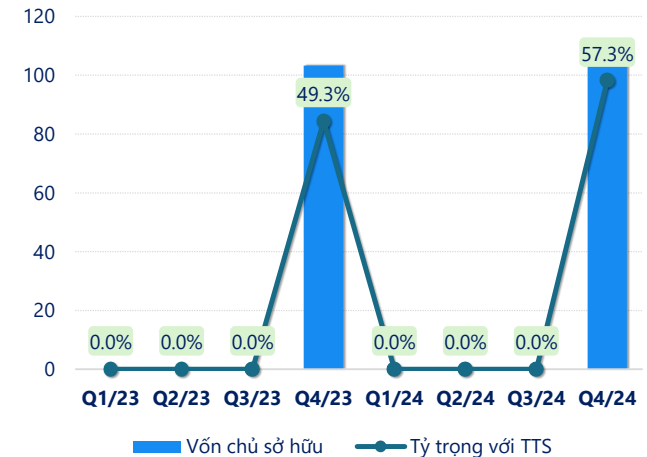
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

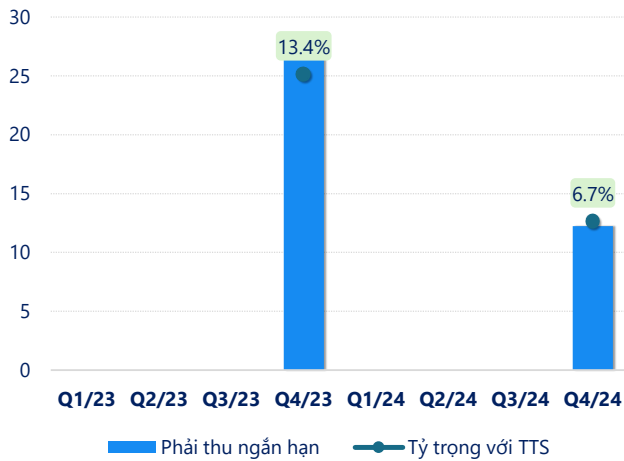
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

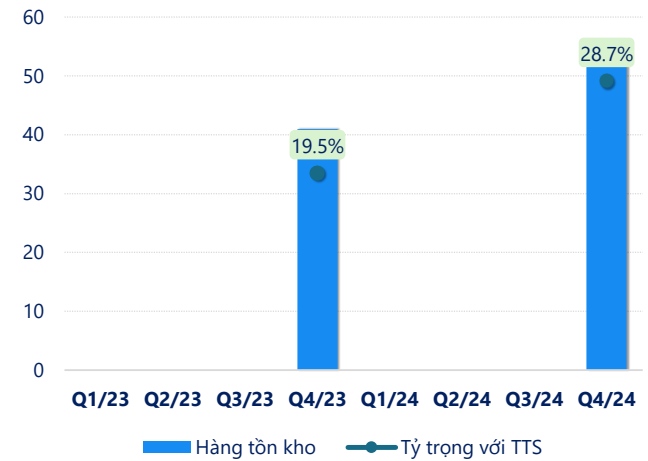
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

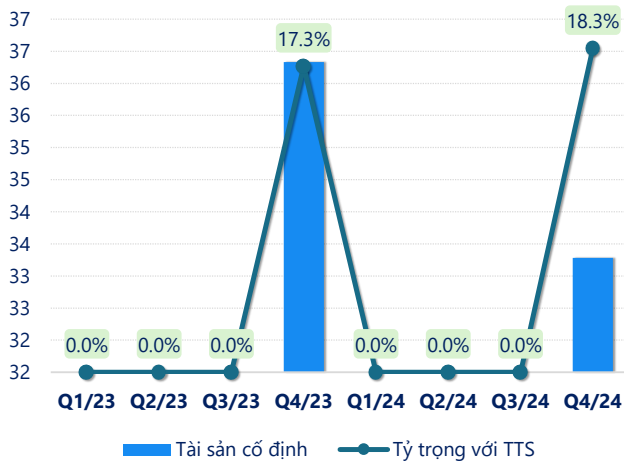
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

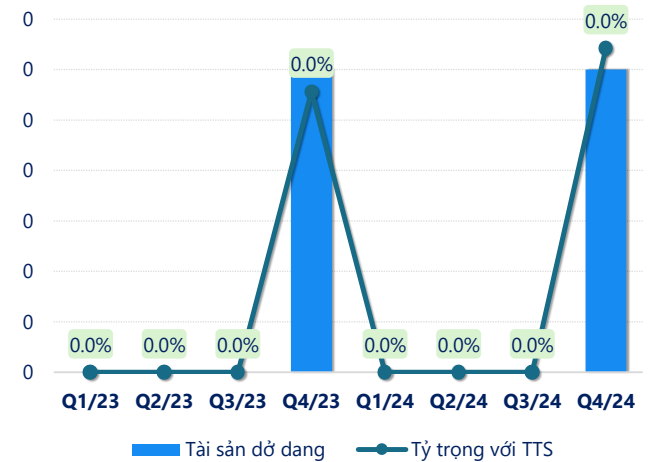
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

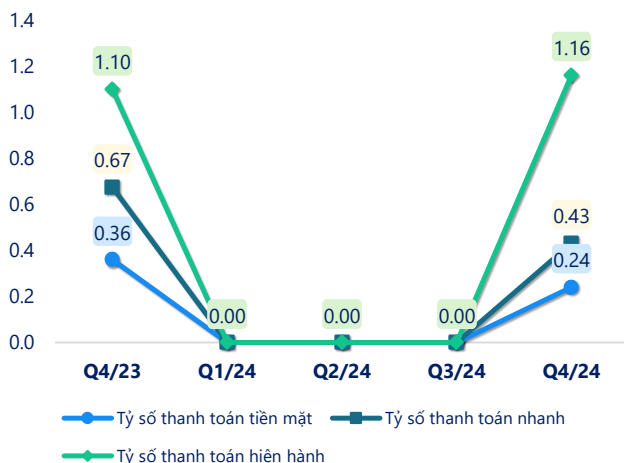
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



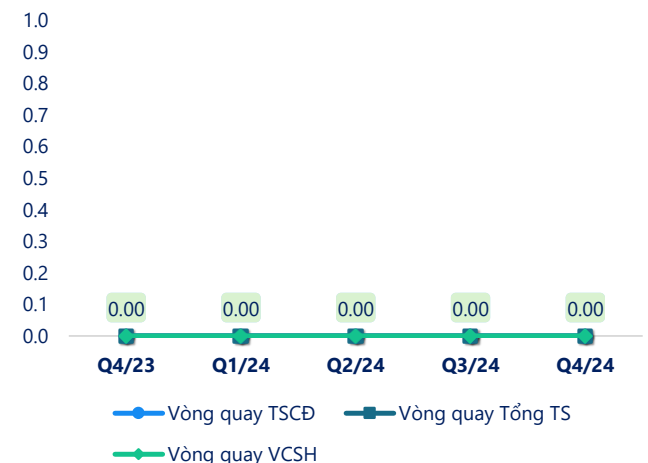
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	210				181
Tài sản ngắn hạn	106				82.9
Tiền và tương đương tiền	34.6				17.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0				0
Phải thu ngắn hạn	28.1				12.2
Hàng tồn kho	40.9				52.1
Tài sản ngắn hạn khác	2.11				1.39
Tài sản dài hạn	104				98.6
Phải thu dài hạn	0				0
Tài sản cố định	36.3				33.3
Bất động sản đầu tư	56.5				54.2
Tài sản dở dang	0.03				0.03
Đầu tư tài chính dài hạn	10.2				10.2
Tài sản dài hạn khác	0.72				0.94
Lợi thế thương mại	0				0
Nợ phải trả	106				77.5
Nợ ngắn hạn	96.1				71.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0				7.00
Phải trả người bán ngắn hạn	40.4				19.1
Nợ dài hạn	10.2				6.30
Vay và nợ thuê dài hạn	7.86				5.06
Nguồn vốn chủ sở hữu	103				104
Vốn chủ sở hữu	103				104
Vốn điều lệ	30.0				30.0
Kinh phí và quỹ khác	0				0

(Nguồn: fireant.vn)